

QUYẾT ĐỊNH
Về việc áp dụng Luật Bóng rổ 5x5 FIBA 2020

CHỦ TỊCH LIÊN ĐOÀN BÓNG RỔ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội, Luật số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BVHTTDL ngày 2 tháng 1 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Hội thể thao Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-BNV ngày 19 tháng 4 năm 1962 của Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam đã được Bộ Nội vụ phê duyệt theo Quyết định số 762/QĐ-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2016;

Xét đề nghị của Tổng Thư ký Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng Luật Bóng rổ 5x5 FIBA 2020 trong các hoạt động, tổ chức thi đấu bóng rổ ở Việt Nam từ ngày 1 tháng 10 năm 2020 (có Luật Bóng rổ FIBA 2020 kèm theo). Các Giải đấu bóng rổ đang tổ chức thi đấu được tiếp tục Áp dụng Luật Bóng rổ 5x5 FIBA 2018 được ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-VBF ngày 30/1/2019 của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam.

Điều 2. Tổng Thư ký, Văn phòng và các Ban của Liên đoàn, các Sở Văn hóa và thể thao, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan theo trách nhiệm thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2.
- Tổng Cục TDTT;
- Các ủy viên BCH VBF;
- Các tổ chức thành viên VBF;
- Các câu lạc bộ bóng rổ chuyên nghiệp;
- Đoàn Thể thao PK-KQ;
- Đăng Trang tin điện tử và Fanpage VBF;
- Lưu VP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Lê Hoàng Anh



LUẬT BÓNG RỔ 5x5 FIBA 2020

**(Được ban hành kèm theo Quyết định số: 383/QĐ-VBF
ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam)**

Tháng 10/2020

Luật Bóng rổ 5x5 FIBA 2020 được Áp dụng ở Việt Nam từ ngày 1/10/2020 theo Quyết định số 383/QĐ-VBF ngày 1/10/2020 của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam

CHƯƠNG 1 - TRẬN ĐẤU

Điều 1 - Định nghĩa

1.1 Trận đấu bóng rổ

Một trận đấu bóng rổ được thi đấu bởi hai đội trên sân, mỗi đội có năm vận động viên vận động viên. Mục đích của mỗi đội là ném bóng vào rổ của đối phương và ngăn cản đối phương ném bóng vào rổ của mình.

Trận đấu được điều khiển bởi các trọng tài, nhân viên bàn thư ký và một giám sát (nếu có).

1.2 Rổ: Đối phương/Đội nhà

Rổ bị một đội tấn công là rổ của đối phương và rổ được phòng thủ bởi một đội là rổ của đội đó.

1.3 Đội thắng

Đội ghi được nhiều điểm hơn khi kết thúc thời gian thi đấu sẽ là đội thắng.

CHƯƠNG 2 - SÂN VÀ THIẾT BỊ

Điều 2 - Sân bóng rổ

2.1 Sân thi đấu

Sân thi đấu là một mặt phẳng, cứng và không có chướng ngại vật (Hình 1). Với kích thước bao gồm chiều dài 28 m, chiều rộng 15 m và được tính từ mép trong của các đường biên.

2.2 Sân sau

Sân sau của một đội là phần sân bên trong các đường biên chứa rổ và bảng rổ của đội đó, được giới hạn bởi đường cuối sân phía sau rổ của đội đó, hai đường biên dọc và đường giữa sân.

2.3 Sân trước

Sân trước của một đội là phần sân bên trong các đường biên chứa rổ và bảng rổ của đối phương, được giới hạn bởi đường cuối sân phía sau rổ của đối phương, hai đường biên dọc và cạnh gần rổ đối phương nhất của đường giữa sân.

2.4 Đường kẻ trên sân

Tất cả những đường kẻ trên sân được vẽ bằng màu trắng, có chiều rộng là 5 cm và phải được nhìn thấy rõ.

2.4.1 Đường biên

Sân thi đấu được giới hạn bởi hai đường biên cuối sân và hai đường biên dọc sân. Những đường này không thuộc phần sân thi đấu.

Mọi chướng ngại vật, bao gồm cả khu vực ghế ngồi của huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên thứ nhất, vận động viên vận động viên dự bị và những thành viên khác của đội bóng đều phải cách phần sân thi đấu tối thiểu 2 m.

2.4.2 Đường giữa sân, vòng tròn giữa sân và nửa vòng tròn ném phạt

Đường giữa sân song song với hai đường cuối sân và được vẽ từ trung điểm của hai đường biên dọc và được kéo dài thêm 15 cm về mỗi bên. Đường giữa sân thuộc về phần sân sau.

Vòng tròn giữa sân được vẽ ở giữa sân thi đấu và có bán kính là 1,80m (được tính từ mép ngoài của vòng tròn).

Hai nửa vòng tròn ném phạt được vẽ trên sân thi đấu, có bán kính là 1,80m (tính từ mép ngoài của vòng tròn) và có tâm là trung điểm của đường ném phạt. (Hình 2)

2.4.3 Đường ném phạt, khu vực giới hạn và các vị trí tranh bóng khi ném phạt.

Đường ném phạt được vẽ song song với đường cuối sân, có chiều dài 3,60 m và mép ngoài của đường ném phạt cách mép trong của đường cuối sân là 5,80 m. Trung điểm của đường ném phạt nằm trên một đường thẳng tưởng tượng nối liền trung điểm của hai đường cuối sân.

Khu vực giới hạn là khu vực hình chữ nhật được vẽ trên sân thi đấu, được giới hạn bởi đường cuối sân, đường ném phạt kéo dài và đường kẻ nối từ đường cuối sân tới mép ngoài của đường ném phạt kéo dài, mép ngoài đường kẻ nối dài sẽ cách trung điểm của đường cuối sân 2.45 m. Ngoài trừ đường cuối sân, các đường kẻ còn lại đều thuộc khu vực giới hạn.

Khu vực dành cho các vận động viên vận động viên đứng tranh bóng ở hai bên khu giới hạn khi có ném phạt được vẽ như Hình 2.

2.4.4 Khu vực ba (3) điểm

Khu vực ba điểm (Hình 1 và Hình 3) là toàn bộ phần sân thi đấu, ngoại trừ khu vực gần rổ của đôi phương được giới hạn bởi:

- Hai đường thẳng song song được kẻ vuông góc với đường cuối sân và có mép ngoài cách mép trong của đường biên dọc là 0.90 m.
- Một đường vòng cung có bán kính 6.75 m được tính từ hình chiếu của tâm rổ đôi phương xuống mặt sân ra đến mép ngoài của vòng cung. Tâm của đường vòng cung cách mép trong của đường cuối sân 1.575 m. Đường vòng cung được kẻ nối tiếp với hai đường thẳng song song.

Đường ba điểm không thuộc khu vực ném rổ được tính ba điểm.

2.4.5 Khu vực băng ghế của đội bóng

Khu vực băng ghế của đội ở ngoài sân thi đấu và được giới hạn bằng hai đường kẻ được thể hiện ở Hình 1.

Trong khu vực băng ghế của đội có mười sáu (16) ghế cho huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên, vận động viên vận động viên dự bị, vận động viên vận động viên hết quyền thi đấu và những người đi theo đội. Những thành viên khác sẽ ngồi phía sau và cách băng ghế của đội ít nhất là 2 m.

2.4.6 Đường phát bóng biên.

Hai đường phát bóng biên dài 15 cm được kẻ ngoài sân thi đấu trên đường biên dọc ở phía đối diện bàn thư ký. Mép ngoài của đường kẻ này cách mép trong của đường cuối sân gần nhất là 8,325 m.

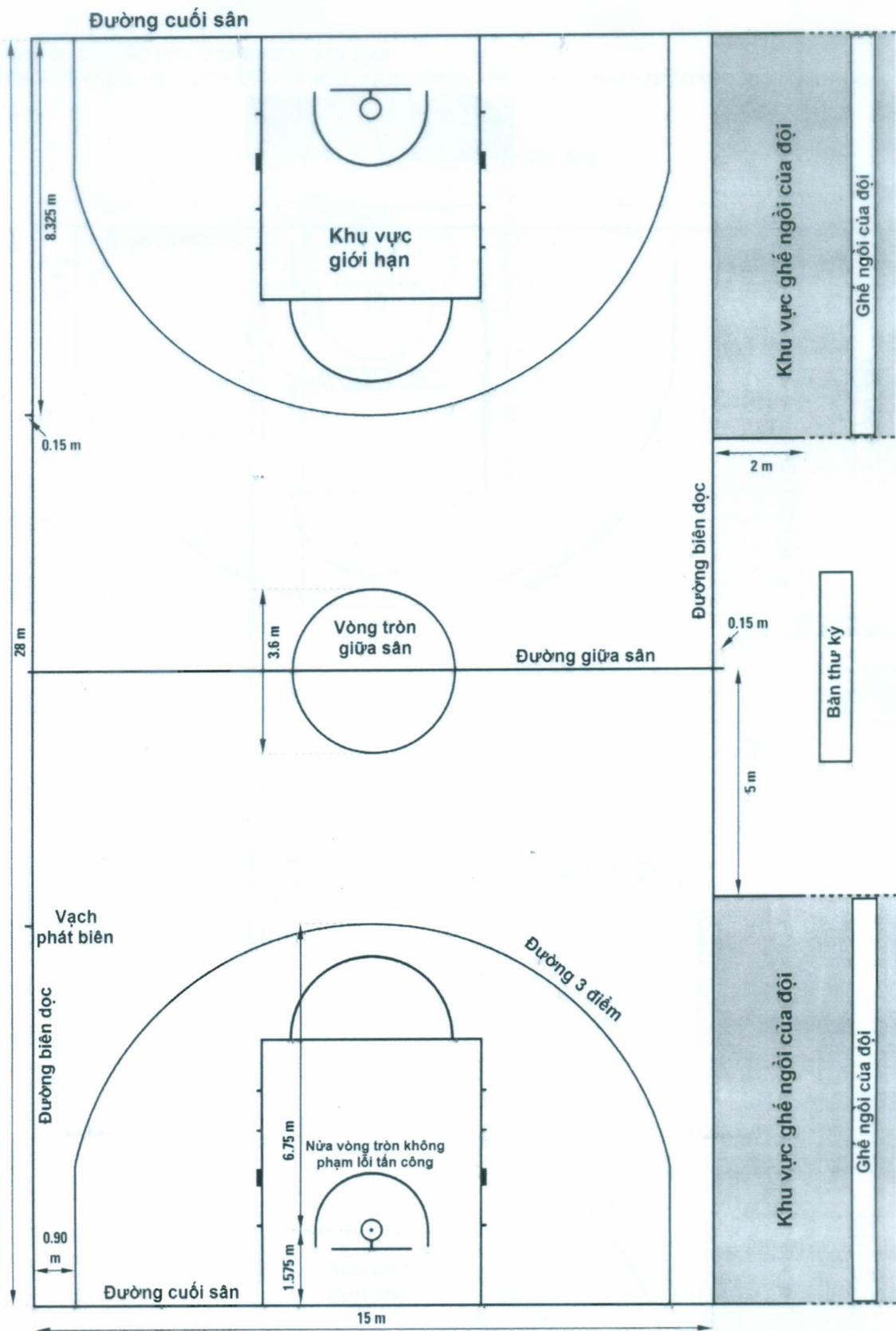
2.4.7 Khu vực nửa vòng tròn không phạt lỗi tông người.

Khu vực nửa vòng tròn không phạt lỗi tông người (không phạm lỗi tấn công) được kẻ trên sân thi đấu và được giới hạn bởi:

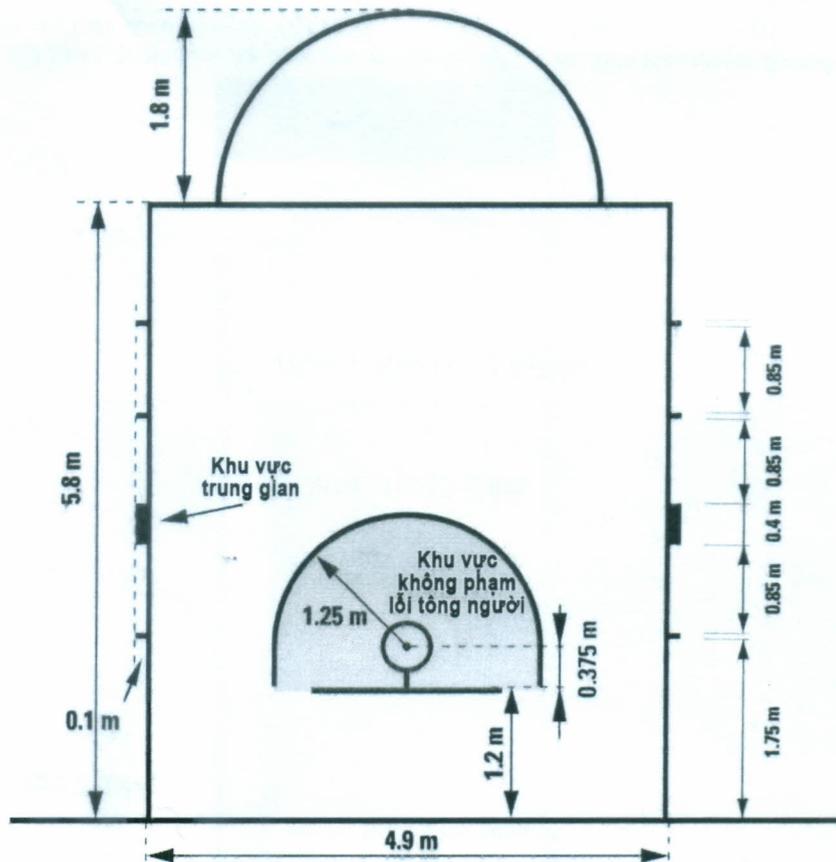
- Một nửa vòng tròn có bán kính 1.25 m được vẽ từ hình chiếu thẳng đứng của tâm vành rổ xuống mặt sân ra đến mép trong của nửa vòng tròn.
- Nửa vòng tròn nối tiếp với hai đoạn thẳng song song, vuông góc với đường biên cuối sân, có mép trong cách điểm hình chiếu của tâm vành rổ xuống mặt sân 1.25 m, mỗi đoạn có chiều dài 0.375 m, và cách mép trong của đường cuối sân 1.2 m.

Khu vực nửa vòng tròn không phạt lỗi tông người (không phạm lỗi tấn công) được tạo bởi đường thẳng tưởng tượng là hình chiếu thẳng đứng của cạnh bảng rổ nối tiếp với hai đầu của đường kẻ nêu trên.

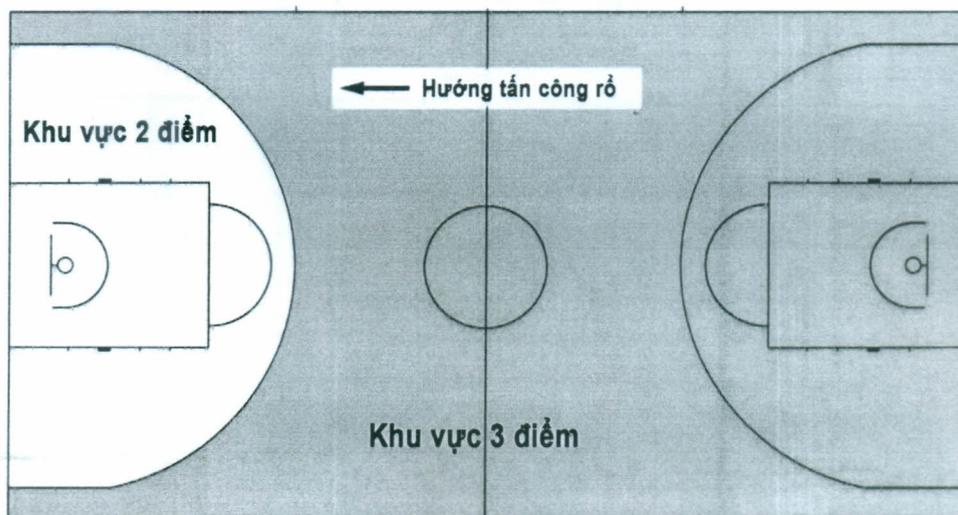
Đường kẻ của nửa vòng tròn thuộc về khu vực nửa vòng tròn không phạt lỗi tông người.



Hình 1. Kích thước sân thi đấu



Hình 2. Khu vực giới hạn

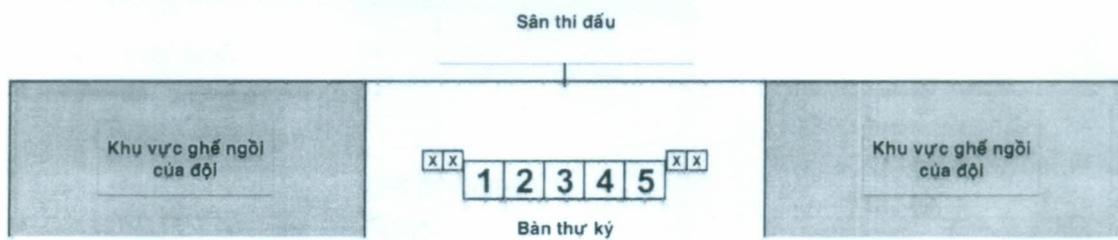


Hình 3. Khu vực 2/3 điểm.

2.5 Vị trí của bàn thư ký và ghế thay người (Hình 4)

1 = Người điều khiển đồng hồ 24 giây
2 = Người điều khiển thời gian thi đấu
X = Ghế thay người

3 = Giám sát (nếu có)
4 = Thư ký
5 = Phụ tá của thư ký



Hình 4. Bàn thư ký và ghế thay người

Bàn thư ký phải được đặt trên một bục cao. Bình luận viên và/hoặc các nhân viên thống kê kỹ thuật có thể ngồi bên cạnh và/hoặc phía sau bàn thư ký.

Điều 3 – Thiết bị

Thiết bị thi đấu được yêu cầu như sau:

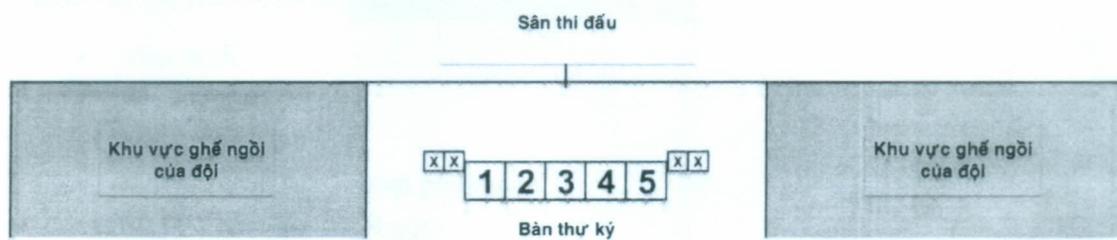
- Bộ bảng rõ, bao gồm:
 - Bảng rõ;
 - Vành rõ (có giảm chấn) và lưới;
 - Chân đế rõ có đệm bảo vệ.
- Bóng rõ;
- Đồng hồ thi đấu;
- Bảng điểm ;
- Đồng hồ 24 giây ;
- Đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ hiển thị thời gian hội ý (không phải đồng hồ thời gian thi đấu);
- Hai tín hiệu âm thanh riêng biệt, khác nhau rõ ràng và có âm thanh lớn:
 - Một cho đồng hồ 24 giây;
 - Một (cho người điều khiển thời gian thi đấu..
- Biên bản trận đấu;
- Bộ bảng báo lỗi cá nhân;
- Bộ bảng báo lỗi đồng đội;
- Mũi tên luân phiên phát bóng biên;
- Sân thi đấu;
- Sân thi đấu;
- Ánh sáng.

Xem chi tiết trong Phụ lục về dụng cụ Bóng rõ.

2.5 Vị trí của bàn thư ký và ghế thay người (Hình 4)

1 = Người điều khiển đồng hồ 24 giây
2 = Người điều khiển thời gian thi đấu
X = Ghế thay người

3 = Giám sát (nếu có)
4 = Thư ký
5 = Phụ tá của thư ký



Hình 4. Bàn thư ký và ghế thay người

Bàn thư ký phải được đặt trên một bục cao. Bình luận viên và/hoặc các nhân viên thống kê kỹ thuật có thể ngồi bên cạnh và/hoặc phía sau bàn thư ký.

Điều 3 – Thiết bị

Thiết bị thi đấu được yêu cầu như sau:

- Bộ bảng rỗ, bao gồm:
 - Bảng rỗ;
 - Vành rỗ (có giảm chấn) và lưới;
 - Chân đế rỗ có đệm bảo vệ.
- Bóng rỗ;
- Đồng hồ thi đấu;
- Bảng điểm ;
- Đồng hồ 24 giây ;
- Đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ hiển thị thời gian hội ý (không phải đồng hồ thời gian thi đấu);
- Hai tín hiệu âm thanh riêng biệt, khác nhau rõ ràng và có âm thanh lớn:
 - Một cho đồng hồ 24 giây;
 - Một (cho người điều khiển thời gian thi đấu..
- Biên bản trận đấu;
- Bộ bảng báo lỗi cá nhân;
- Bộ bảng báo lỗi đồng đội;
- Mũi tên luân phiên phát bóng biên;
- Sân thi đấu;
- Sân thi đấu;
- Ánh sáng.

Xem chi tiết trong Phụ lục về dụng cụ Bóng rổ.

CHƯƠNG 3 – ĐỘI BÓNG

Điều 4 – Đội bóng

4.1 Định nghĩa

4.1.1 Thành viên của đội bóng là vận động viên vận động viên có đủ tư cách để thi đấu khi vận động viên vận động viên đó được quyền thi đấu cho một đội theo những quy định chung, bao gồm cả giới hạn về lứa tuổi của ban tổ chức giải.

4.1.2 Thành viên của đội được quyền thi đấu khi tên của vận động viên vận động viên đó được ghi vào biên bản trận đấu trước khi bắt đầu trận đấu và miễn là không bị trục xuất hoặc phạm 5 lỗi.

4.1.3 Trong thời gian thi đấu, một thành viên của đội bóng là:

- Một vận động viên vận động viên chính thức khi vận động viên vận động viên đó ở trên sân thi đấu và được quyền thi đấu.
- Một vận động viên vận động viên dự bị khi vận động viên vận động viên đó không ở trên sân thi đấu nhưng được quyền thi đấu.
- Là một vận động viên vận động viên bị loại khi vận động viên vận động viên đó phạm năm lỗi cá nhân và hết quyền thi đấu tiếp.

4.1.4 Trong thời gian nghỉ của trận đấu, tất cả thành viên được quyền thi đấu của đội bóng đều được xem là những vận động viên vận động viên chính thức.

4.2 Quy định:

4.2.1 Mỗi đội bóng được hình thành khi đảm bảo các điều kiện dưới đây:

- Không vượt quá 12 vận động viên được quyền thi đấu, bao gồm 1 đội trưởng.
- Một huấn luyện viên trưởng.
- Có tối đa 8 thành viên có nhiệm vụ chuyên trách đi theo đội, bao gồm tối đa 2 trợ lý huấn luyện viên được ngồi ở khu vực băng ghế của đội. Trường hợp đội bóng có trợ lý huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện viên thứ nhất sẽ được điền tên vào tờ biên bản trận đấu.

4.2.2 Trong thời gian thi đấu, mỗi đội có 5 vận động viên vận động viên thi đấu ở trên sân và đội được quyền thay người.

4.2.3 vận động viên vận động viên dự bị trở thành vận động viên vận động viên chính thức và vận động viên vận động viên chính thức trở thành vận động viên vận động viên dự bị khi:

- Trọng tài phát tay cho vận động viên vận động viên dự bị vào sân thi đấu.
- Trong thời gian hội ý hoặc trong thời gian nghỉ giữa của trận đấu, vận động viên vận động viên dự bị yêu cầu thay người với người điều khiển thời gian thi đấu.

4.3 Trang phục

4.3.1 Trang phục của các vận động viên của đội phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Màu phía trước, sau của áo thi đấu phải tương đồng và cùng với màu quần. Nếu áo có tay áo thì chỉ được dài đến phía trên khuỷu tay. Không được phép sử dụng áo dài tay.

Tất cả vận động viên vận động viên phải bỏ áo trong quần. Được phép sử dụng áo liền quần.

- Áo thun cổ tròn (T-shirt), bất kể kiểu dáng nào, đều không được phép mặc phía trong áo thi đấu.
- Màu phía trước và sau của quần thi đấu phải tương đồng và cùng màu áo. Quần không được dài quá gối.
- Các vận động viên vận động viên trong một đội phải mang vớ (tất) cùng một màu. Vớ (tất) phải được mang sao cho có thể nhìn thấy rõ.

4.3.2 Mỗi vận động viên của đội phải mặc áo có số ở phía trước và sau lưng, màu số áo tương phản rõ ràng với màu áo.

Số áo cần rõ ràng và dễ nhìn, đồng thời:

- Số áo sau lưng có chiều cao tối thiểu là 20 cm
- Số áo trước ngực có chiều cao tối thiểu là 10 cm
- Nét chữ của số áo có độ dày tối thiểu là 2 cm
- Đội bóng chỉ được sử dụng số áo 0, 00 và từ số 1 đến số 99.
- Các vận động viên vận động viên trong một đội bóng không được dùng số áo giống nhau.
- Các quảng cáo hoặc logo phải cách số áo ít nhất là 5 cm.

4.3.3 Mỗi đội phải có ít nhất 2 bộ đồng phục thi đấu, đồng thời:

- Đội có tên đứng trước trong lịch thi đấu (đội chủ nhà/đội A) sẽ mặc đồng phục thi đấu màu sáng (khuyến nghị là màu trắng).
- Đội có tên đứng sau trong lịch thi đấu (đội khách/đội B) sẽ mặc đồng phục thi đấu màu tối.
- Tuy nhiên nếu hai đội đồng ý, họ có thể đổi màu đồng phục thi đấu.

4.4 Những thiết bị khác:

4.4.1 Các vật dụng mà vận động viên vận động viên sử dụng phải phù hợp với yêu cầu thi đấu. Mọi vật dụng được thiết kế làm tăng độ cao, tầm với hoặc các biện pháp nhằm tạo ra lợi thế không chính đáng đều bị cấm sử dụng.

4.4.2 Vận động viên Vận động viên không được mang những đồ vật có thể gây chấn thương cho các vận động viên vận động viên khác.

- Những vật dụng sau không được phép sử dụng:
 - Băng ngón tay, bàn tay, cổ tay, khuỷu tay hoặc bao cẳng tay, nón bảo hộ, vòng hoặc dây bằng các chất liệu da, nhựa, nhựa mềm, kim loại hoặc bất kỳ vật cứng nào ngay cả trường hợp được bọc lại bằng đệm mềm.
 - Những đồ vật có thể cắt hoặc gây trầy xước (móng tay phải được cắt xát)
 - Kẹp tóc, trang sức.
- Những vật dụng sau được phép sử dụng:
 - Dụng cụ bảo vệ vai, cánh tay, đùi hoặc cẳng chân (ống đồng) nếu được trang bị bằng đệm phù hợp.
 - Vớ (tất) ống dài cho cánh tay và chân.

- Bọc đầu không được che một phần hay toàn bộ khuôn mặt (mắt, mũi, môi...) và không gây nguy hiểm cho vận động viên sử dụng hay cho vận động viên khác. Bọc đầu không được có chức năng mở, đóng quanh mặt và cổ, và không có chi tiết nào nhô lên trên bề mặt.
- Băng gói.
- Dụng cụ bảo vệ mũi, ngay cả nếu làm bằng chất liệu cứng.
- Đệm bảo vệ răng loại không màu.
- Kính đeo mắt, nếu không gây nguy hiểm cho vận động viên khác.
- Băng cổ tay và băng đầu, có chất liệu bằng vải và bề rộng tối đa 10 cm.
- Băng dán tay, vai và chân...
- Bảo vệ cổ chân.

Tất cả các vận động viên của đội bóng phải có vớ ống tay và chân, bọc đầu, băng cổ tay và băng đầu và băng dán cùng màu.

4.4.3 Trong trận đấu một vận động viên có thể mang giày với nhiều màu sắc, nhưng cả hai chiếc giày phải cùng một màu. Không sử dụng chất liệu phát sáng, gây phản chiếu hoặc các vật dụng trang trí khác.

4.4.4 Trong trận đấu vận động viên không được hiển thị tên nhãn hàng, biểu tượng thương mại, quảng cáo hoặc từ thiện hoặc những hình thức khác, bao gồm nhưng không giới hạn trên cơ thể của vận động viên, trên tóc hoặc những nơi khác.

4.4.5 Những dụng cụ khác không được quy định trong điều luật này phải được chấp thuận của Ban kỹ thuật của FIBA.

Điều 5 – Vận động viên bị chấn thương và công tác hỗ trợ.

5.1 Trọng tài có thể dừng trận đấu khi có vận động viên bị chấn thương.

5.2 Nếu có chấn thương xảy ra trong khi bóng đang sống, trọng tài không thổi còi cho đến khi đội đang kiểm soát bóng ném rõ, mất quyền kiểm soát bóng, vận động viên của hai đội cùng giữ bóng hoặc bóng trở thành bóng chết. Tuy nhiên, nếu cần thiết để bảo vệ một vận động viên bị chấn thương, các trọng tài có thể cho dừng trận đấu ngay.

5.3 Nếu vận động viên bị chấn thương không thể tiếp tục thi đấu ngay (trong vòng 15 giây) hoặc nếu vận động viên được săn sóc, hoặc vận động viên đó nhận được hỗ trợ bởi huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên, thành viên đội bóng và/hoặc những người đi theo đội bóng, vận động viên sẽ phải được thay người, ngoại trừ khi đội của vận động viên đó có ít hơn 5 vận động viên ở trên sân thi đấu.

5.4 Huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên, vận động viên dự bị, vận động viên hết quyền thi đấu và người đi theo đội bóng có thể vào sân thi đấu để săn sóc vận động viên bị chấn thương chỉ khi được sự cho phép của trọng tài trước khi vận động viên đó được thay thế.

5.5 Bác sĩ có thể vào trong sân thi đấu mà không cần được sự cho phép của trọng tài, nếu trong nhận định của bác sĩ, vận động viên bị chấn thương cần được chăm sóc y tế ngay.

5.6 Trong trận đấu, vận động viên bị chảy máu hoặc có vết thương hở miệng thì bắt buộc phải được thay người. Vận động viên đó chỉ có thể trở lại sân thi đấu sau khi được cầm máu và vết thương được băng kín an toàn.

5.7 Nếu vận động viên bị chấn thương hoặc bị chảy máu hoặc có vết thương hở và bình phục chấn thương trong thời gian hội ý của một trong hai đội bóng, trước khi có tín hiệu âm thanh của người điều khiển thời gian thi đấu báo hiệu thay người, vận động viên đó có thể được tiếp tục thi đấu.

5.8 Những vận động viên được huấn luyện viên chỉ định thi đấu đầu tiên hoặc vận động viên được săn sóc giữa những trái ném phạt có thể được thay người trong trường hợp bị chấn thương. Trong trường hợp này, đội đối phương cũng được quyền thay người bằng đúng số vận động viên bị chấn thương nếu có yêu cầu.

Điều 6 - Đội trưởng.

6.1 Đội trưởng (CAP) là vận động viên chính thức được huấn luyện viên chỉ định để đại diện đội bóng ở trên sân thi đấu. Đội trưởng có thể tiếp xúc một cách nhã nhặn với các trọng tài trong trận đấu để lấy thông tin, tuy nhiên chỉ trong tình huống bóng chết và đồng hồ thi đấu đã dừng.

6.2 Trong vòng 15 phút sau khi kết thúc trận đấu, đội trưởng sẽ thông báo cho trọng tài chính nếu đội bóng của anh ta có khiếu nại về kết quả của trận đấu và ký vào phần "Chữ ký của đội trưởng trong trường hợp có khiếu nại".

Điều 7 –Huấn luyện viên trưởng.

7.1 Ít nhất 40 phút trước khi trận đấu bắt đầu, mỗi huấn luyện viên trưởng hoặc người đại diện của huấn luyện viên trưởng sẽ cung cấp cho thư ký danh sách có số áo của các vận động viên có đủ tư cách thi đấu, tên của đội trưởng, huấn luyện viên trưởng và trợ lý huấn luyện viên thứ nhất. Những thành viên được ghi tên trong biên bản trận đấu sẽ được tham gia trận đấu, ngay cả khi họ đến sân sau khi trận đấu bắt đầu.

7.2 Ít nhất là 10 phút trước giờ thi đấu chính thức, mỗi huấn luyện viên trưởng sẽ xác nhận danh sách tên, số áo của vận động viên và huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên thứ nhất bằng cách ký tên trong biên bản trận đấu. Đồng thời, huấn luyện viên trưởng sẽ xác định năm (05) vận động viên thi đấu đầu tiên của đội bóng. Huấn luyện viên đội A sẽ thực hiện trước.

7.3 Chỉ có huấn luyện viên trưởng, trợ lý huấn luyện viên, vận động viên dự bị, vận động viên hết quyền thi đấu, người đi theo đội bóng được phép ngồi trên băng ghế và ở trong phạm vi khu vực ghế ngồi của đội. Trong thời gian thi đấu, tất cả các vận động viên dự bị, vận động viên hết quyền thi đấu và người đi theo đội bóng phải ngồi trên băng ghế.

7.4 Trong trận đấu, huấn luyện viên trưởng hoặc trợ lý huấn luyện viên thứ nhất có thể đến bàn thư ký để hỏi thông tin chuyên môn trong khi bóng chết và đồng hồ thi đấu dừng lại,

7.5 Trong trận đấu huấn luyện viên trưởng có thể trao đổi một cách nhã nhặn với các trọng tài để trao đổi thông tin trong tình huống bóng chết và đồng hồ thi đấu dừng.

7.6 Huấn luyện viên trưởng hoặc trợ lý huấn luyện viên thứ nhất được phép đứng trong khu vực ghế ngồi của đội nhưng chỉ có một người được đứng trong trận đấu. Các huấn luyện viên có thể chỉ đạo vận động viên bằng lời nói từ trong khu vực ghế ngồi của đội bóng. Trợ lý huấn luyện viên thứ nhất không có quyền trao đổi với các trọng tài.

7.7 Nếu đội bóng có trợ lý huấn luyện viên thứ nhất, tên của huấn luyện viên này phải được ghi trong biên bản trận đấu trước khi trận đấu bắt đầu (trợ lý huấn luyện viên không cần ký tên vào

biên bản trận đấu). Nếu vì bất kỳ lý do nào khiến huấn luyện viên trưởng không thể tiếp tục nhiệm vụ, trợ lý huấn luyện viên thứ nhất sẽ thay thế nhiệm vụ và quyền hạn của huấn luyện viên trưởng.

7.8 Khi đội trưởng rời khỏi sân thi đấu, huấn luyện viên trưởng sẽ thông báo cho trọng tài số áo của vận động viên sẽ là đội trưởng trên sân thi đấu.

7.9 Đội trưởng sẽ có vai trò như huấn luyện viên trưởng, nếu không có huấn luyện viên trưởng hoặc huấn luyện viên trưởng không thể tiếp tục nhiệm vụ và không có trợ lý huấn luyện viên thứ nhất (hoặc trợ lý huấn luyện viên thứ nhất không thể tiếp tục làm nhiệm vụ). Nếu đội trưởng phải rời sân thi đấu, người đó có thể tiếp tục nhiệm vụ như là huấn luyện viên trưởng. Nếu đội trưởng phải rời sân vì lỗi trực xuất hoặc không thể là huấn luyện viên trưởng vì bị chấn thương, vận động viên thay thế đội trưởng có thể thực hiện nhiệm vụ như là huấn luyện viên trưởng.

7.10 Huấn luyện viên trưởng sẽ chỉ định vận động viên ném phạt trong trường hợp luật không xác định được vận động viên ném phạt.

CHƯƠNG 4 – QUY ĐỊNH THI ĐẤU

Điều 8 – Thời gian thi đấu, điểm hòa và hiệp phụ

8.1 Trận đấu có 4 hiệp, mỗi hiệp có 10 phút.

8.2 Có thời gian nghỉ của trận đấu là 20 phút trước giờ thi đấu chính thức theo lịch thi đấu.

8.3 Có 2 phút nghỉ giữa hiệp thứ nhất và hiệp thứ hai, giữa hiệp thứ ba và hiệp thứ tư, và trước mỗi hiệp phụ.

8.4 Có 15 phút nghỉ giữa trận đấu (giữa hiệp thứ hai và hiệp thứ ba).

8.5 Thời gian nghỉ của một trận đấu bắt đầu:

- 20 phút trước giờ thi đấu chính thức theo lịch thi đấu.
- Khi có tín hiệu âm thanh của báo kết thúc một hiệp đấu hoặc hiệp phụ.

8.6 Thời gian nghỉ của một trận đấu kết thúc:

- Bắt đầu hiệp thứ nhất khi bóng rời khỏi tay của trọng tài chính trong lần tung bóng trong pha nhảy tranh bóng.
- Bắt đầu những hiệp đấu khác và hiệp phụ, khi bóng ở vị trí của vận động viên phát bóng biên.

8.7 Nếu tỷ số hoà khi kết thúc hiệp thi đấu thứ tư, trận đấu sẽ được tiếp tục với một hoặc nhiều hiệp phụ để có điểm số thắng thua giữa hai đội bóng. Thời gian thi đấu của mỗi hiệp phụ là 5 phút.

Nếu tổng tỷ số của cả hai lượt trận đấu theo thể thức sân nhà và sân khách bằng nhau sau khi kết thúc trận đấu thứ hai, sẽ tiếp tục thi đấu một hoặc nhiều hiệp phụ để có điểm số thắng thua giữa hai đội bóng. Thời gian thi đấu của mỗi hiệp phụ là 5 phút.

8.8 Nếu lỗi xảy ra trong thời gian nghỉ của trận đấu, các tình huống ném phạt sẽ được thực hiện trước khi bắt đầu hiệp thi đấu tiếp theo hoặc hiệp phụ.

Điều 9 – Bắt đầu và kết thúc một hiệp đấu, hiệp phụ hoặc trận đấu.

9.1 Hiệp thứ nhất bắt đầu khi bóng rời khỏi tay của trọng tài chính trong lần tung bóng cho nhảy tranh bóng ở vòng tròn giữa sân.

9.2 Những hiệp đấu khác hoặc hiệp phụ sẽ bắt đầu khi bóng ở vị trí của vận động viên phát bóng biên.

9.3 Trận đấu không thể bắt đầu nếu một trong hai đội không có đủ 5 vận động viên sẵn sàng thi đấu trên sân thi đấu.

9.4 Trong tất cả các trận đấu, đội được ghi tên trước trong lịch thi đấu (đội chủ nhà) sẽ có băng ghế ngồi và rô của đội mình ở bên trái của bàn thư ký, theo hướng nhìn vào sân thi đấu.

Tuy nhiên, nếu hai đội đồng ý, họ có thể đổi băng ghế ngồi và/hoặc rô.

9.5 Trước hiệp đấu thứ nhất và hiệp đấu thứ ba, hai đội được quyền khởi động ở phần sân có rô của đội đối phương.

9.6 Hai đội sẽ đổi rô ở hiệp đấu thứ ba.

9.7 Trong các hiệp phụ, hai đội sẽ tiếp tục thi đấu theo hướng tấn công rô như ở hiệp đấu thứ tư.

9.8 Một hiệp đấu, hiệp phụ, hoặc trận đấu sẽ kết thúc khi có tín hiệu âm thanh của đồng hồ thi đấu báo kết thúc thời gian của hiệp đấu hoặc hiệp phụ. Nếu bảng rô có trang bị đèn tín hiệu màu đỏ viền xung quanh, tín hiệu đèn sẽ được xét ưu tiên hơn tín hiệu âm thanh của đồng hồ thi đấu.

Điều 10 - Tình trạng của bóng

10.1 Bóng có thể là bóng sống hoặc bóng chết.

10.2 Bóng trở thành **bóng sống** khi:

- Trong khi nhảy tranh bóng, bóng rời khỏi tay trọng tài chính trong lần tung bóng.
- Trong một tình huống ném phạt, khi bóng ở vị trí của vận động viên ném phạt.
- Trong một tình huống phát bóng biên, bóng ở vị trí của vận động viên phát bóng biên.

10.3 Bóng trở thành **bóng chết** khi:

- Bóng vào rô hoặc bóng ném phạt vào rô.
- Trọng tài thổi còi trong khi bóng sống
- Chắc chắn bóng không vào rô trong tình huống ném phạt và sau đó sẽ có:
 - Một hoặc nhiều trái ném phạt khác.
 - Có một xử phạt khác (ném phạt và/hoặc quyền kiểm soát bóng)
- Có tín hiệu âm thanh báo kết thúc thời gian thi đấu của hiệp đấu hoặc hiệp phụ.
- Có tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây trong khi một đội đang kiểm soát bóng.
- Trong tình huống ném rô bóng đang bay và được chạm bởi một vận động viên bất kì, sau đó:
 - Trọng tài thổi còi.
 - Có tín hiệu âm thanh của đồng hồ thi đấu báo kết thúc một hiệp đấu hoặc hiệp phụ.
 - Có tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây.

10.4 Bóng không trở thành bóng chết và bóng vào rô được tính điểm khi:

- Bóng đang bay trên không trong tình huống ném rô và:
 - Trọng tài thổi còi.
 - Có tín hiệu âm thanh của đồng hồ thi đấu báo kết thúc một hiệp đấu hoặc hiệp phụ.
 - Có tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây.
- Bóng đang bay trên không trong tình huống ném phạt và trọng tài thổi còi xử phạt một vi phạm không liên quan đến vận động viên ném phạt.
- Khi một vận động viên kiểm soát bóng có động tác ném rô, vận động viên này kết thúc pha ném rô với một động tác liên tục được bắt đầu trước khi một lỗi được thổi phạt cho đối phương hoặc một cá nhân bất kì ở trong khu vực ghế ngồi của đội đối phương.

Quy định này không áp dụng và bóng vào rô sẽ không được tính điểm nếu:

- Sau khi trọng tài thổi còi, vận động viên thực hiện một động tác ném rổ mới.
- Trong khi vận động viên thực hiện các động tác liên tục ném rổ, có tín hiệu âm thanh của đồng hồ thi đấu báo kết thúc một hiệp đấu hoặc hiệp phụ hoặc có tín hiệu âm thanh của đồng hồ 24 giây.

Điều 11 - Vị trí của vận động viên và của trọng tài

11.1 Vị trí của vận động viên được xác định tại nơi mà anh ta tiếp xúc với mặt sân.

Khi vận động viên ở trên không, anh ta vẫn duy trì vị trí giống như khi anh ta tiếp xúc với mặt sân trước khi nhảy lên. Quy định này bao gồm cả đường biên, đường giữa sân, đường ném phạt, đường ba điểm, những đường kẻ của khu vực giới hạn và đường kẻ của nửa vòng tròn không phạt lỗi tâng người.

11.2 Vị trí của trọng tài được xác định giống như của vận động viên. Khi bóng chạm trọng tài giống như bóng chạm mặt sân nơi trọng tài đứng.

Điều 12 - Nhảy tranh bóng và luân phiên phát bóng biên

12.1 Định nghĩa nhảy tranh bóng

12.1.1 **Nhảy tranh bóng** bắt đầu khi trọng tài chính thực hiện tung bóng ở vòng tròn giữa sân giữa hai vận động viên của hai đội để bắt đầu hiệp đấu thứ nhất.

12.1.2 **Vận động viên hai đội cùng giữ bóng** khi một hoặc nhiều vận động viên của hai đội có một hoặc hai bàn tay giữ chặt bóng không có vận động viên nào có thể giành được bóng và không có hành động thô bạo quá mức.

12.2 Thủ tục cho nhảy tranh bóng

12.2.1 Vận động viên nhảy tranh bóng sẽ đứng cả hai chân ở bên trong nửa vòng tròn ở giữa sân gần với rổ của đội mình, một chân đặt gần đường giữa sân.

12.2.2 Đồng đội của vận động viên nhảy tranh bóng không được chiếm những vị trí liền nhau chung quanh vòng tròn nếu đối phương muốn đứng vào một trong những vị trí này.

12.2.3 Trọng tài sẽ tung bóng thẳng đứng lên cao giữa hai vận động viên nhảy tranh bóng của hai đội, bóng được tung cao hơn tầm nhảy với của hai vận động viên nhảy tranh bóng.

12.2.4 Sau khi bóng lên đến điểm với cao nhất, ít nhất là một trong hai vận động viên nhảy tranh bóng phải vỗ bóng bằng một hoặc hai bàn tay.

12.2.5 Vận động viên nhảy tranh bóng không được rời khỏi vị trí của mình cho đến khi bóng được vỗ đúng luật.

12.2.6 Vận động viên nhảy tranh bóng không được bắt bóng hoặc vỗ bóng hơn hai lần cho đến khi bóng chạm một trong những vận động viên không nhảy tranh bóng hoặc bóng chạm mặt sân.

12.2.7 Nếu bóng không được vỗ bởi một trong hai vận động viên nhảy tranh bóng, trọng tài sẽ cho nhảy tranh bóng lại.

12.2.8 Không có phần thân thể nào của những vận động viên không nhảy tranh bóng được ở trên hoặc vượt qua chiều cao thẳng đứng của vòng tròn giữa sân trước khi bóng được vổ.

Vi phạm điều 12.2.1, 12.2.4, 12.2.5, 12.2.6 và 12.2.8 là phạm luật.

12.3 Những tình huống nhảy tranh bóng:

Tình huống nhảy tranh bóng xảy ra khi:

- Trọng tài thổi còi khi vận động viên của hai đội cùng giữ bóng.
- Bóng ra biên và trọng tài nghi ngờ hoặc không xác định được ai là vận động viên chạm bóng sau cùng.
- Hai đội bóng cùng phạm luật trong trái ném phạt cuối và bóng không vào rổ.
- Bóng sống kẹt ở giữa vành rổ và bảng, ngoại trừ:
 - Giữa những trái ném phạt.
 - Sau trái ném phạt cuối, đội bóng có quyền phát bóng biên ở đường phát bóng biên ở sân trước.
- Bóng trở thành bóng chết khi không có đội bóng nào kiểm soát bóng hoặc không có quyền kiểm soát bóng.
- Sau khi hủy bỏ những xử phạt giống nhau của hai đội bóng, nếu không có những xử phạt khác được tiến hành và không có đội bóng nào kiểm soát bóng hoặc không có quyền kiểm soát bóng trước khi có tình huống phạm lỗi hoặc phạm luật đầu tiên.
- Bắt đầu những hiệp đấu khác (ngoại trừ hiệp đấu thứ nhất) và tất cả các hiệp phụ.

12.4 Định nghĩa phát bóng biên luân phiên

12.4.1 Phát bóng biên luân phiên là phương pháp làm cho bóng trở thành bóng sống bằng cách phát bóng biên thay vì là nhảy tranh bóng.

12.4.2 Phát bóng biên luân phiên:

- **Bắt đầu** khi bóng ở vị trí của vận động viên phát bóng biên.
- **Kết thúc** khi:
 - Bóng chạm hoặc được chạm hợp lệ bởi một vận động viên ở trên sân thi đấu.
 - Đội thực hiện phát bóng biên phạm luật.
 - Bóng sống kẹt ở giữa vành rổ và bảng trong khi phát bóng biên.

12.5 Thủ tục phát bóng biên luân phiên

12.5.1 Trong những tình huống nhảy tranh bóng, đội bóng sẽ thực hiện phát bóng biên luân phiên ở vị trí gần nơi xảy ra tình huống nhảy tranh bóng, ngoại trừ vị trí ở ngay phía sau bảng rổ.

12.5.2 Đội bóng không giành được kiểm soát bóng sống trên sân thi đấu sau khi nhảy tranh bóng sẽ có quyền phát bóng biên luân phiên đầu tiên.

12.5.3 Sau khi kết thúc một hiệp hoặc hiệp phụ, đội bóng có quyền phát bóng biên luân phiên kế tiếp sẽ phát bóng biên đường giữa sân nối dài đối diện bàn thư ký để bắt đầu hiệp đấu hoặc hiệp phụ tiếp theo, trừ khi có những tình huống ném phạt và một quyền phát bóng biên được thực hiện.

12.5.4 Đội bóng có quyền phát bóng biên luân phiên sẽ được thông báo bằng mũi tên chỉ về hướng rõ của đối phương. Mũi tên chỉ hướng phát bóng biên luân phiên sẽ đổi hướng ngay khi tình huống phát bóng biên luân phiên kết thúc.

12.5.5 Đội bóng phạm luật phát bóng biên luân phiên sẽ bị mất quyền phát bóng biên luân phiên. Mũi tên chỉ hướng phát bóng biên luân phiên sẽ đổi hướng ngay, để chỉ ra rằng đối phương của đội bóng phạm luật sẽ được phát bóng biên luân phiên ở tình huống nhảy tranh bóng tiếp theo. Trận đấu sẽ được tiếp tục với quyền phát bóng biên cho đội đối phương ngay tại vị trí xảy ra phạm luật.

12.5.6 Một trong hai đội bóng phạm lỗi.

- Trước khi bắt đầu một hiệp đấu không phải là hiệp thứ nhất hoặc hiệp phụ, hoặc
- Trong khi phát bóng biên luân phiên.

Đội bóng đang có quyền phát bóng biên sẽ không bị mất quyền phát bóng biên luân phiên.

Điều 13 - Cách chơi bóng.

13.1 Định nghĩa

Trong khi thi đấu, bóng chỉ được chơi bằng tay và bóng có thể được chuyền, ném, vỗ, lăn hoặc dẫn về bất kỳ hướng nào nhưng phải tuân theo những giới hạn quy định của luật.

13.2 Quy định

Vận động viên không được phép cầm bóng chạy, cố ý dùng chân đá hoặc cản bóng hoặc dùng nắm tay đấm bóng.

Tuy nhiên, chân vô tình chạm bóng sẽ không được tính là phạm luật.

Vi phạm điều 13.2 là phạm luật.

Điều 14 – Kiểm soát bóng

14.1 Định nghĩa

14.1.1 Một đội bóng **bắt đầu** kiểm soát bóng khi một vận động viên của đội bóng đó đang kiểm soát bóng sống bằng cách cầm bóng, hoặc dẫn bóng hoặc có bóng sống ở vị trí được trao bóng.

14.1.2 Một đội bóng **tiếp tục** kiểm soát bóng khi:

- Một vận động viên của đội đang kiểm soát bóng sống.
- Bóng được chuyền giữa các vận động viên của đội bóng.

14.1.3 Một đội bóng **kết thúc** kiểm soát bóng khi:

- Một vận động viên đối phương giành được quyền kiểm soát bóng sống.
- Bóng trở thành bóng chết.
- Bóng rời khỏi tay của vận động viên ném rổ hoặc của vận động viên ném phạt.

Điều 15 – Vận động viên có động tác ném rổ

15.1 Định nghĩa

15.1.1 **Ném rổ** hoặc ném phạt là khi bóng được khống chế trong một hoặc hai bàn tay của vận động viên và sau đó bóng được ném lên trên không về phía rổ đối phương.

Vỗ bóng vào rổ là động tác vận động viên dùng một hoặc hai bàn tay vỗ bóng vào rổ của đối phương.

Úp rổ là động tác vận động viên dùng một hoặc hai bàn tay ấn bóng từ trên vào rổ của đối phương.

Động tác liên tục đột phá lên rổ hoặc những động tác di chuyển ném rổ khác là hành động bắt bóng trong khi vận động viên đang thực hiện hoặc sau khi kết thúc dẫn bóng và sau đó tiếp tục với động tác ném rổ, thông thường là động tác hướng lên trên.

15.1.2 Động tác ném rổ:

- **Bắt đầu**, theo nhận định của trọng tài, khi vận động viên thực hiện động tác đưa bóng hướng lên về phía rổ đối phương.
- **Kết thúc** khi bóng đã rời khỏi tay vận động viên hoặc có động tác ném rổ hoàn toàn mới. Trong trường hợp vận động viên ném rổ ở trên không thì cả hai chân của vận động viên phải chạm trở lại mặt sân.

15.1.3 Động tác ném rổ trong tình huống có động tác liên tục đột phá lên rổ hoặc những động tác di chuyển ném rổ:

- Bắt đầu khi bóng nằm trên tay của vận động viên sau khi kết thúc dẫn bóng hoặc bắt bóng trên không và theo nhận định của trọng tài, vận động viên bắt đầu động tác ném rổ trước khi bóng rời tay.
- Kết thúc khi bóng rời khỏi tay của vận động viên hoặc nếu có một động tác ném rổ hoàn toàn mới. Trong trường hợp vận động viên ném rổ ở trên không thì cả hai chân của vận động viên phải chạm trở lại mặt sân..

15.1.4 Không có sự liên hệ nào giữa số bước di chuyển hợp lệ và động tác ném rổ.

15.1.5 Trong khi thực hiện động tác ném rổ, tay của vận động viên có thể bị đối phương nắm giữ nhằm ngăn cản anh ta ghi điểm. Trong trường hợp này, không xét đến bóng có rời tay vận động viên ném rổ hay không.

15.1.6 Khi một vận động viên có động tác ném rổ và sau khi bị phạm lỗi vận động viên thực hiện chuyển bóng, tình huống này sẽ không được xác định là động tác ném rổ.

Điều 16 – Bóng tính điểm và giá trị của điểm

16.1 Định nghĩa

16.1.1 Bóng vào rổ được tính điểm khi bóng sống vào rổ từ phía trên và ở trong hoặc đi qua rổ.

16.1.2 Bóng được xem là ở trong rổ khi phần cao nhất của trái bóng ở trong và ở phía dưới vành rổ.

16.2 Quy định

16.2.1 Điểm được tính cho đội ném bóng vào rổ của đội đối phương như sau:

- Một trái ném phạt vào rổ tính một điểm.
- Ném rổ ở khu vực hai điểm, bóng vào rổ được tính hai điểm.
- Ném rổ ở khu vực ba điểm, bóng vào rổ được tính ba điểm.

- Sau khi bóng chạm vành rổ ở trái ném phạt cuối và bóng được chạm hợp lệ bởi vận động viên phòng thủ hoặc vận động viên tấn công trước khi bóng vào rổ, tình huống ghi điểm này sẽ được tính hai điểm.

16.2.2 Nếu một vận động viên **vô tình** ném bóng vào rổ của đội mình, tình huống ghi điểm này tính hai điểm và điểm này được ghi cho đội trưởng của đội đối phương đang ở trên sân thi đấu.

16.2.3 Nếu một vận động viên **cố tình** ném bóng vào rổ của đội mình, đây là tình huống phạm luật và bóng vào rổ không được tính điểm.

16.2.4 Nếu một vận động viên làm cho bóng đi qua rổ từ phía dưới là phạm luật.

16.2.5 Đồng hồ thi đấu hoặc đồng hồ 24 giây phải hiển thị 0.3 giây (3/10 giây) hoặc nhiều hơn khi một vận động viên kiểm soát bóng trong tình huống phát bóng biên hoặc trong một tình huống bắt bóng bật bảng sau trái ném phạt cuối để thực hiện pha ném rổ. Nếu đồng hồ thi đấu hoặc đồng hồ 24 giây hiển thị 0.2 hoặc 0.1 thì bóng vào rổ chỉ được tính điểm khi vận động viên ném rổ sử dụng động tác vỗ bóng vào rổ hoặc úp bóng trực tiếp vào rổ, với điều kiện tay của vận động viên không chạm bóng khi có tín hiệu kết thúc thời gian thi đấu hoặc đồng hồ hiển thị 0.0 giây.

Điều 17 – Phát bóng biên

17.1 Định nghĩa

17.1.1 Phát bóng biên xảy ra khi bóng được chuyển vào trong sân thi đấu bởi một vận động viên thực hiện phát bóng biên ở bên ngoài đường biên.

17.2 Thủ tục

17.2.1 Trọng tài sẽ trao bóng hoặc đặt bóng ở vị trí của vận động viên phát bóng biên. Trọng tài cũng có thể tung bóng hoặc chuyển bóng bật đất với điều kiện:

- Trọng tài sẽ không đứng cách xa vận động viên phát bóng biên quá 4 mét.
- Vận động viên thực hiện phát bóng biên đứng đúng vị trí đã được trọng tài chỉ định.

17.2.2 Vận động viên sẽ thực hiện phát bóng biên ở vị trí gần nhất với nơi xảy ra vi phạm hoặc nơi trận đấu được tạm dừng, ngoại trừ ngay sau bảng rổ.

17.2.3 Bắt đầu những hiệp đấu không phải hiệp đấu thứ nhất và các hiệp phụ, phát bóng biên sẽ được thực hiện ở đường giữa sân nối dài, đối diện bàn thư ký.

Vận động viên thực hiện phát bóng biên sẽ đặt hai bàn chân ở hai bên của đường giữa sân nối dài, đối diện bàn thư ký và sẽ được phép chuyển bóng cho đồng đội ở bất kỳ vị trí nào trên sân thi đấu.

17.2.4 Khi đồng hồ thi đấu còn 2:00 phút hoặc ít hơn của hiệp đấu thứ tư hoặc hiệp phụ, sau lần hội ý của đội bóng đang có quyền kiểm soát bóng ở sân sau, huấn luyện viên của đội bóng đang kiểm soát bóng có quyền chọn vị trí phát bóng biên để tiếp tục trận đấu ở đường phát bóng biên ở sân trước hoặc ở sân sau gần vị trí trận đấu được dừng lại trước đó.

17.2.5 Sau một lỗi cá nhân của đội bóng đang kiểm soát bóng sống hoặc được quyền kiểm soát bóng, trận đấu được tiếp diễn với tình huống phát bóng biên được thực hiện ở vị trí gần nơi xảy ra tình huống phạm lỗi.

17.2.6 Sau một lỗi kỹ thuật, trận đấu sẽ được tiếp diễn với tình huống phát bóng biên gần vị trí của bóng khi có lỗi kỹ thuật xảy ra, ngoại trừ khi có quy định khác trong luật.

17.2.7 Sau một lỗi phản tinh thần thể thao hoặc lỗi trực xuất, trận đấu sẽ được tiếp diễn với tình huống phát bóng biên ở đường phát bóng biên ở sân trước, ngoại trừ khi có quy định khác trong luật.

17.2.8 Sau một tình huống đánh nhau, trận đấu sẽ được tiếp diễn theo quy định ở Điều 39.

17.2.9 Tất cả các tình huống ném rổ hoặc ném phạt vào rổ nhưng không được tính điểm, trận đấu sẽ được tiếp diễn với vị trí phát bóng biên ở đường ném phạt nối dài.

17.2.10 Sau khi bóng vào rổ hoặc trái ném phạt cuối bóng vào rổ:

- Đội bóng không ghi điểm được phát bóng biên ở bất kỳ vị trí nào sau đường biên cuối sân của đội mình. Điều này cũng có thể áp dụng sau khi trọng tài trao bóng hoặc đặt bóng ở vị trí phát bóng biên sau lần hội ý hoặc sau lần trận đấu dừng lại sau khi bóng vào rổ hoặc trái ném phạt cuối bóng vào rổ.
- Vận động viên phát bóng biên có thể di chuyển dọc theo đường biên cuối sân và/hoặc lùi về phía sau và bóng có thể được chuyền cho đồng đội ở phía sau đường cuối sân, nhưng 5 giây sẽ bắt đầu tính khi bóng ở vị trí của vận động viên đầu tiên ở ngoài đường biên.

17.3 Quy định

17.3.1 Vận động viên phát bóng biên không được:

- Giữ bóng quá 5 giây.
- Cầm bóng bước vào sân thi đấu.
- Làm bóng chạm ngoài đường biên sau khi bóng rời tay trong tình huống phát bóng biên.
- Chạm bóng trong sân thi đấu trước khi bóng chạm một vận động viên khác.
- Trực tiếp ném bóng vào rổ.
- Cầm bóng di chuyển sang một hoặc cả hai hướng với tổng cộng vượt quá 1 mét tính từ vị trí phát bóng được trọng tài chỉ định trước khi bóng rời tay. Tuy nhiên, không giới hạn cự ly vận động viên phát bóng biên di chuyển về phía sau ra xa đường biên trong điều kiện cho phép.

17.3.2 Trong tình huống phát bóng biên những vận động viên khác không được:

- Có bất kỳ phần cơ thể nào vượt qua đường biên trước khi bóng được chuyền qua khỏi đường biên.
- Đứng gần vận động viên phát bóng biên ít hơn 1 mét khi vận động viên phát bóng biên có khoảng cách ít hơn 2 mét giữa đường biên và các chướng ngại vật.

17.3.3 Khi thời gian thi đấu còn 2:00 phút hoặc ít hơn ở hiệp đấu thứ tư và mỗi hiệp phụ và có tình huống phát bóng biên, trọng tài sẽ thực hiện ký hiệu không vượt qua đường biên để cảnh báo khi điều hành tình huống phát bóng biên.

Nếu một vận động viên phòng thủ:

- Có phần cơ thể vượt qua đường biên để ngăn cản tình huống phát bóng biên, hoặc